

Bản án số: 30/2025/DS-PT

Ngày: 21/02/2025

*V/v tranh chấp chia tài sản
chung và chia thừa kế tài sản.*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH ĐỊNH

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Võ Công Phương.

- *Các Thẩm phán:* Ông Nguyễn Thanh Tuấn.

Ông Thái Văn Hà.

- *Thư ký phiên tòa:* Ông Nguyễn Hùng Cường là Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Định tham gia phiên tòa:* Bà Đặng Thị Thanh trúc-Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 02 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 214/2024/TLPT-DS ngày 24 tháng 12 năm 2024 về tranh chấp chia tài sản chung và chia thừa kế tài sản.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 63/2024/DS-ST ngày 22 tháng 10 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Phù Cát, tỉnh Bình Định bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 286/2024/QĐ-PT ngày 31 tháng 12 năm 2024, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ông Ngô Văn B; cư trú tại: Thôn A, xã C, huyện P, tỉnh Bình Định; có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Luật sư Nguyễn Trần Phương T, hoạt động tại Văn phòng L3 Đoàn luật sư tỉnh B; địa chỉ: Số B đường L, phường B, thị xã A, tỉnh Bình Định; có mặt.

2. *Bị đơn:* Ông Ngô Văn M; cư trú tại: Thôn T, xã C, huyện P, tỉnh Bình Định; có mặt.

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

- Ông Ngô T1; có mặt.

- Ông Ngô Văn S; có mặt.

- Bà Ngô Thị C; có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt.

- Ông Ngô Văn A; có mặt.

- Bà Trần Thị H,
- Ông Ngô C1,
- Ông Ngô Thái H1; có mặt.
- Ông Ngô Thái Đ,
- Ông Thái T10,
- Bà Trần Thị T2,
- Bà Ngô Thị H2.
- Bà Huỳnh Thị H3.

Cùng cư trú tại: Thôn T, xã C, huyện P, tỉnh Bình Định.

- Ông Ngô Văn T3; cư trú tại: Thôn Đ, xã C, huyện P, tỉnh Bình Định; có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt.

- Ông Ngô Thái T4; có mặt
- Ông Ngô Văn Đ1,
- Ông Ngô Văn T5,
- Bà Ngô Thị Cẩm L.

Cùng cư trú tại: Thôn A, xã C, huyện P, tỉnh Bình Định.

- Bà Ngô Thị T6; cư trú tại: Tổ A, khu phố E, xã P, huyện T, tỉnh Bình Định.

- Ông Ngô Thái B1,
- Bà Ngô Thị Út O

Cùng cư trú tại: Tổ G, khu phố A, phường N, thành phố Q, tỉnh Bình Định.

- Ông Phạm B2; có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt.
- Bà Phạm Thị G,
- Ông Phạm Ngọc T7,
- Bà Phạm Thị C2,
- Ông Phạm Trung T8,
- Ông Phạm Văn C3.

Cùng cư trú tại: Thôn V, xã M, huyện P, tỉnh Bình Định.

- Bà Phạm Thị L1,
- Bà Phạm Thị V,

Cùng cư trú tại: Thôn V, xã M, huyện P, tỉnh Bình Định.

- Bà Phạm Thị C4; cư trú tại: Xã T, thị xã L, tỉnh Bình Thuận.

Đại diện hợp pháp của bà Trần Thị T2, bà Ngô Thị H2, ông Ngô Văn Đ1, ông Ngô Ngọc T9, bà Ngô Thị Cẩm L: Ông Ngô Văn A; cư trú tại: Thôn T, xã C, huyện P, tỉnh Bình Định là đại diện theo ủy quyền; (Giấy ủy quyền ngày 17/6/2024); có mặt.

Đại diện hợp pháp của bà Trần Thị H, ông Ngô C1, ông Ngô Thái Đ, ông Ngô Thái T10, ông Ngô Thái B1, bà Ngô Thị Út O: Ông Ngô Thái T4; cư trú tại: Thôn A, xã C, huyện P, tỉnh Bình Định là đại diện theo ủy quyền; (Giấy ủy quyền ngày 18/10/2024); có mặt.

Đại diện hợp pháp của bà Ngô Thị T6, bà Phạm Thị G, ông Phạm Văn T11, bà Phạm Thị C2, ông Phan Trung T12, ông Phan Văn C5, bà Phạm Thị L1, bà Phạm Thị C4 và bà Phạm Thị V: Ông Ngô Văn B; cư trú tại: Thôn A, xã C, huyện P, tỉnh Bình Định là đại diện theo ủy quyền (Hợp đồng ủy quyền ngày 21/9/2023 và ngày 30/5/2024); có mặt.

- *Người kháng cáo: Ông Ngô Văn B là nguyên đơn trong vụ án.*

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn ông Ngô Văn B trình bày:

Vào năm 1997 mẹ ông là cụ Võ Thị L2 (chết năm 2009) được Nhà nước cấp cho 06 thửa đất trong đó 04 thửa đất nông nghiệp, 01 thửa đất ở và 01 thửa đất vườn. Trong đó thửa đất ở trên có nguồn gốc của cụ L2 đã được Nhà nước cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đứng tên hộ cụ L2, số vào sổ cấp giấy chứng nhận: 05/QSDD/E15, ngày 23 tháng 9 năm 1997, các thửa đất trên có số thửa: 325, tờ bản đồ số 03, diện tích 200m² đất ở và cùng thửa trên là 520m² đất vườn; và các thửa đất nông nghiệp 01 vụ có số thửa: 326, tờ bản đồ số 03, diện tích 540m²; 327, tờ bản đồ số 03, diện tích 300m²; 111, tờ bản đồ số 04, diện tích 660m² và thửa 38, tờ bản đồ số 04, diện tích 390m², các thửa đất trên lâu nay ông Ngô Văn M đang quản lý, sử dụng. Trên thửa đất ở có một ngôi nhà của ông Ngô Văn M, toàn bộ các thửa đất trên đều tọa lạc tại thôn T, xã C, huyện P, tỉnh Bình Định. Cha ông tên Ngô H4 (chết năm 1990), cha, mẹ ông sinh được 08 (tám) người con gồm các ông, bà: Ngô Ngô (chết năm 2018); Ngô T1; Ngô Thị T13 (chết năm 2023); Ngô Thái T14 (chết năm 2005); Ngô Văn S; Ngô Văn B (là ông); Ngô Thị T6 và Ngô Văn M; Ngô N có vợ là Trần Thị T2 và 05 người con gồm: Ngô Thị C, Ngô Văn T3, Ngô Văn B3 (chết), Ngô Văn A, Ngô Thị H2; Ngô Thị T13 có chồng là Phạm B2, bà T13 và ông B2 có 08 người con gồm: Phạm Thị L1, Phạm Thị C4, Phạm Thị G, Phạm Văn T11, Phạm Thị C2, Phạm Thị V, Phạm Trung T8, Phạm Văn C3; Ngô Thái T14 chết có vợ là Trần Thị H, ông T14 và bà H có 07 người con gồm: Ngô Thái T4, Ngô C1, Ngô Thái H1, Ngô Thái Đ, Ngô Thái T10, Ngô Thái B1 và Ngô Thị Út O; Ngô Văn B3 (chết năm 2018) có vợ là Hồ Thị G1 (chết 2020), ông B3 và bà G1 có 03 người con gồm: Ngô Văn Đ1, Ngô Ngọc T9, Ngô Thị Cẩm L. Cha, mẹ ông chết không để lại di chúc, ngày 21 tháng 02 năm 2022 các con của cụ Ngô H4 và cụ Võ Thị L2 lập văn bản thuận phân chia tài sản chung, di sản thừa kế nhưng sau đó không thực hiện được do không đủ người thừa kế để xác lập.

Nay ông yêu cầu chia di sản của cụ L2 theo pháp luật và huỷ văn bản thoả thuận phân chia tài sản chung, di sản gia đình lập ngày 21 tháng 02 năm 2022. Phần ông xin được nhận bằng hiện vật là đất ở, đất vườn và ông có nghĩa vụ giao lại giá trị chênh lệch cho những người được thừa kế của cụ L2 theo quy định của pháp luật. Ông yêu cầu Toà án giao 02 thửa đất 1 vụ cho ông Ngô Văn M và ông M có nghĩa vụ giao lại giá trị chênh lệch cho những người được thừa kế của cụ L2. Riêng phần diện tích tăng thêm chưa được Nhà nước công nhận quyền sử dụng đất, ông yêu cầu giao cho người nào thì người đó có nghĩa vụ liên hệ đến cấp có thẩm quyền đăng ký quyền sử dụng đất theo quy định.

Ông yêu cầu giao phần đất của ông được nhận cùng với diện tích đất của ông Ngô T1, Ngô Văn S, Ngô Văn A, Ngô Thái T4 cùng nhận và đồng sử dụng, tuy nhiên phần của Ngô Văn A và Ngô Thái T4 được nhận ít hơn thì họ có trách nhiệm thối lại giá trị cho người khác cùng được thừa kế với họ, để họ cùng bằng phần của ông, ông T1 và ông S.

Bị đơn ông Ngô Văn M trình bày:

Ông Thống nhất về quan hệ gia đình, hàng thừa kế, thời điểm chết của cha mẹ ông như ông Ngô Văn B trình bày, cũng như yêu cầu huỷ văn bản thoả thuận phân chia tài sản chung, di sản gia đình lập ngày 21 tháng 02 năm 2022 của ông bảy và thống nhất như yêu cầu chia di sản thừa kế là quyền sử dụng đất của mẹ ông là cụ Võ Thị L2 ở các thửa đất như ông B trình bày. Tuy nhiên, ông yêu cầu trước khi chia di sản thừa kế thì phải chia tài sản chung trong hộ của mẹ ông, vì tại thời điểm cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì 200m² đất ở là của mẹ ông, nhưng còn đất vườn và đất nông nghiệp (1 vụ) là của chung trong hộ và tại thời điểm này trong hộ của cụ L2 chỉ có ông và cụ L2 nên ông được hưởng ½ diện tích đất vườn và đất nông nghiệp, hơn nữa từ khi mẹ ông chết, thì ông là người quản lý khối di sản này nên ông xin được nhận phần công sức tôn tạo, bảo quản khối di sản nêu trên. Phần ông được nhận ông yêu cầu giao cho ông và vợ ông là bà Huỳnh Thị H3 được quyền sử dụng chung.

Ông xin nhận đất ở, đất vườn và đất nông nghiệp (1 vụ), ở hai thửa đất nông nghiệp có số thửa 326, 327, tờ bản đồ số 03, diện tích 840m², do ông đã lấy đất ở hai thửa 111, 38, tờ bản đồ số 04 về nâng hai thửa đất trên nên ông xin nhận hai thửa đất này, nếu bên ông B không đồng ý ông xin nhận hết 04 thửa đất nông nghiệp vì vợ chồng ông là người trực tiếp sản xuất đất nông nghiệp và ông sẽ giao lại giá trị chênh lệch cho đồng thừa kế khác nếu được nhận phần nhiều hơn.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Ông Ngô T1, ông Ngô Văn S, ông Ngô Văn A, ông Ngô Thái T4 trình bày:

Các ông thống nhất chia tài sản chung trong hộ cụ L2 là đất vườn, 04 thửa đất 1 vụ, sau đó mới chia di sản thừa kế của cụ L2, nếu ai nhận nhiều hơn phải có nghĩa vụ thối lại người nhận ít hơn và thống nhất nhận chung phần đất ở và đất vườn để ông T1, ông S, ông A, ông T4 và ông B sử dụng chung. Các ông thống nhất huỷ văn bản thoả thuận phân chia tài sản chung, di sản gia đình lập ngày 21 tháng 02 năm 2022 như yêu cầu của ông B.

Ông Phạm B2 trình bày:

Ông là chồng bà Ngô Thị T13 (chết năm 2023), ông xin được nhận phần của ông được thừa kế của bà T13 với giá trị bằng tiền.

Ông Ngô Văn T3, bà Ngô Thị C trình bày:

Cha ông là Ngô N (chết), mẹ ông, bà là Trần Thị T2; cha, mẹ ông, bà có 05 (năm) người con gồm: Ông (Ngô Văn T3), bà (Ngô Thị C), Ngô Văn B3 (chết năm 2018, vợ B3 là Hồ Thị G1 chết năm 2020) có 03 (ba) người con là Ngô Văn Đ1, Ngô Ngọc T9, Ngô Thị Cẩm L; Ngô Văn A; Ngô Thị H2. Ông T3 và bà C thống nhất phần ông, bà được nhận thì ông, bà tặng cho lại ông Ngô Văn M.

Đại diện theo uỷ quyền của bà Ngô Thị T6, bà Phạm Thị L1, bà Phạm Thị C4, bà Phạm Thị G, ông Phạm Văn T11, bà Phạm Thị C2, bà Phạm Thị V, ông Phạm Trung T8, ông Phạm Văn C3 là ông Ngô Văn B trình bày:

Thống nhất như lời trình bày của nguyên đơn, phần bà T6, bà L1, bà C4, bà G, ông T11, bà C2, bà V, ông T8, ông C3 được nhận, xin nhận bằng tiền và yêu cầu huỷ văn bản thoả thuận phân chia tài sản chung, di sản gia đình lập ngày 21 tháng 02 năm 2022.

Đại diện theo uỷ quyền của bà Trần Thị T2, bà Ngô Thị H2, ông Ngô Văn Đ1, ông Ngô Ngọc T9, bà Ngô Thị Cẩm L là ông Ngô Văn A trình bày:

Thống nhất như lời trình bày và yêu cầu của ông Ngô Văn B, phần bà T2, bà H2, ông Đ1, ông T9, bà L thì họ xin được nhận giá trị bằng tiền.

Đại diện theo uỷ quyền của bà Trần Thị H, ông Ngô C1, ông Ngô Thái Đ, ông Ngô Thái T10, bà Ngô Thị Út O là ông Ngô Thái T4 trình bày:

Ông thống nhất như lời trình bày và yêu cầu ông Ngô Văn B, phần bà H, ông C1, ông Đ, ông T10, bà O thì họ xin được nhận giá trị bằng tiền.

Bản án dân sự sơ thẩm số: 63/2024/DS-ST ngày 22 tháng 10 năm 2024 của Toà án nhân dân huyện Phù Cát, tỉnh Bình Định đã quyết định:

Huỷ văn bản thoả thuận phân chia tài sản chung, di sản thừa kế lập ngày 21/02/2022.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc chia quyền sử dụng đất chung trong hộ và chia di sản thừa kế là quyền sử dụng đất và vật kiến trúc trên đất theo quy định của pháp luật.

Giao cho ông Ngô Văn B, ông Ngô T1, ông Ngô Văn S, ông Ngô Văn A, ông Ngô Thái T4 đồng sử dụng và sở hữu một phần thửa đất số thửa 352, tờ bản đồ số 03, nay là một phần thửa 138, tờ bản đồ số 10, diện tích 381,7m², trong đó có 100m² đất ở, 195,7m² đất vườn (nay là đất trồng cây hàng năm khác cùng thửa đất ở) và 86m² đất cùng thửa đất trên nhưng chưa được Nhà nước công nhận quyền sử dụng đất, tọa lạc tại thôn T, xã C, huyện P, tỉnh Bình Định, sử dụng và sở hữu theo quy định pháp luật về đất đai, được quyền liên hệ đến cơ quan Nhà nước cấp có thẩm quyền làm thủ tục đăng ký 86m² đất theo quy định của pháp luật (có sơ đồ bản vẽ kèm theo).

Giao cho ông Ngô Văn M và bà Huỳnh Thị H3 một phần thửa đất số 325, tờ bản đồ số 03, nay là thửa 138, tờ bản đồ số 10, diện tích 100m² đất ở, 324,4m² đất trồng cây hàng năm khác và 86m² đất cùng thửa đất trên nhưng chưa được Nhà nước công nhận quyền sử dụng đất và tài sản trên đất, được quyền liên hệ đến cơ quan Nhà nước cấp có thẩm quyền làm thủ tục đăng ký 86m² đất theo quy định của pháp luật (có sơ đồ bản vẽ kèm theo).

Giao cho ông Ngô Văn M và bà Huỳnh Thị H3 các thửa đất lúa 1 vụ có số thửa: 326, tờ bản đồ số 03, diện tích 540m²; 327, tờ bản đồ số 03, diện tích 300m²; 111, tờ bản đồ số 04, diện tích 660m²; 38, tờ bản đồ số 04, diện tích 390m², đều tọa lạc tại thôn T, xã C, huyện P, tỉnh Bình Định, sử dụng và sở hữu theo quy định pháp luật về đất đai, tọa lạc tại thôn T, xã C, huyện P, tỉnh Bình Định, sử dụng và sở hữu theo quy định pháp luật về đất đai.

Buộc ông Ngô Văn M và bà Huỳnh Thị H3 có nghĩa vụ thôi lại ông Phạm B2, bà Phạm Thị L1, bà Phạm Thị C4, bà Phạm Thị G, ông Phạm Văn T11, bà Phạm Thị C2, bà Phạm Thị V, ông Phạm Trung T8, ông Phạm Văn C3 mỗi người 7.432.000 đồng.

Buộc ông Ngô Văn M và bà Huỳnh Thị H3 có nghĩa vụ thôi lại bà Ngô Thị T6 17,857,000 đồng.

Buộc ông Ngô Văn B, ông Ngô T1, ông Ngô Văn S, ông Ngô Văn A, ông Ngô Thái T4 mỗi người có nghĩa vụ thôi lại bà Ngô Thị T6 5.348.000 đồng.

Buộc ông Ngô Văn A có nghĩa vụ thôi lại bà Ngô Thị T6 22.295.000 đồng.

Buộc ông Ngô Văn A có nghĩa vụ thôi lại bà Ngô Thị H2 11.148.000 đồng.

Buộc ông Ngô Văn A có nghĩa vụ thôi lại bà Ngô Thị Cẩm L, ông Ngô Văn Đ1, ông Ngô Ngọc T9 mỗi người 2.787.000 đồng. Buộc ông Ngô Văn A có nghĩa vụ thôi lại bà Trần Thị T2 13.935.000 đồng.

Buộc ông Ngô Thái T4 có nghĩa vụ thôi lại cho ông Ngô C1, ông Ngô Thái H1, ông Ngô Thái Đ, ông Ngô Thái T10, ông Ngô Thái B1, bà Ngô Thị Ut O mỗi người 9.556.000 đồng.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí dân sự sơ thẩm, chi phí tố tụng khác và quyền kháng cáo của các bên đương sự.

Ngày 28 tháng 10 năm 2024, nguyên đơn ông Ngô Văn B kháng cáo yêu cầu cấp phúc thẩm xem xét lại toàn bộ bản án sơ thẩm để bảo vệ quyền lợi cho ông. Tại đơn kháng cáo bổ sung không đề ngày tháng, ông Ngô Văn B yêu cầu cấp phúc thẩm không cho ông Ngô Văn M được hưởng công sức đóng góp bảo quản, tôn tạo di sản của cụ L2, không chấp nhận cho ông Ngô Văn M được nhận 04 thửa đất trồng lúa bằng hiện vật, mà phải chia đều cho các đồng thừa kế khác bằng hiện vật.

Luật sư Nguyễn Trần Phương T trình bày luận cứ bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của ông Ngô Văn B, sửa bản án sơ thẩm theo yêu cầu kháng cáo của ông B.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

- Về Tố tụng: Trong giai đoạn phúc thẩm, người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng thực hiện đúng quy định của pháp luật tố tụng.

- Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử (HĐXX) không chấp nhận kháng cáo của ông Ngô Văn B, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Xét kháng cáo của ông Ngô Văn B, HĐXX thấy rằng:

[1.1] Thứ nhất, cấp sơ thẩm xác định về di sản thừa kế, hàng thừa kế, người thừa kế và thời điểm mở thừa kế của cụ Võ Thị L2 là chính xác, đúng quy định của pháp luật. Theo quy định, thì Nghị định 64/NĐ-CP ngày 27/9/1993 của Chính phủ không cân đối giao quyền sử dụng đất ở nông thôn, mà chỉ cân đối giao quyền sử dụng đất nông nghiệp và cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ gia đình, cá nhân trực tiếp sản xuất nông nghiệp và tại thời điểm cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ gia đình của cụ Võ Thị L2, thì thành viên trong hộ chỉ có cụ L2 và ông Ngô Văn M nên cấp sơ thẩm tiến hành chia khối tài sản chung gồm: 520m² đất trồng cây hàng năm khác thuộc thửa 325, tờ bản đồ số 03, và các thửa đất nông nghiệp 01 vụ có số thửa: 326, tờ bản đồ số 03, diện tích 540m²; 327, tờ bản đồ số 03, diện tích 300m²; 111, tờ bản đồ số 04, diện tích 660m² và thửa 38, tờ bản đồ số 04, diện tích 390m² làm 02 phần, 01 phần thuộc quyền sử dụng của ông M và 01 phần là di sản thừa kế của cụ L2 là đúng quy định của pháp luật.

[1.2] Thứ hai, do ông M từ khi sinh ra cho đến nay vẫn sinh sống trên thửa đất 325, tờ bản đồ số 03 và trong quá trình sinh sống ông đã xây dựng nhà ở kiên cố cùng các vật kiến trúc khác gắn liền với thửa đất này, còn các đồng thừa kế khác của cụ L2 từ lâu đã có cuộc sống, chỗ ở ổn định ở nơi khác. Còn vợ chồng ông M đều là người khuyết tật và là người trực tiếp sản xuất, canh tác trên các thửa đất nông nghiệp từ trước đến nay và đây cũng là nguồn sống duy nhất của cả gia đình ông M. Mặt khác, bản thân ông B chỉ được hưởng một phần nhỏ trong các đám ruộng này và nếu tách thửa thì diện tích đất ông B được chia, cũng không đảm bảo về điều kiện để tách thửa đối theo quy định tại Quyết định số: 36/2024/QĐ-UBND ngày 01/8/2024 của UBND tỉnh B. Hơn nữa, sau khi cụ L2 mất thì ông M là người bảo quản, tôn tạo khối di sản của cụ L2 để lại nên cấp sơ thẩm xem xét cho ông M được hưởng công sức bảo quản, tôn tạo di sản bằng một kỹ phần thừa kế của cụ lá và chia cho ông M 100m² đất ở và 324,4m² đất trồng cây hàng năm khác thuộc thửa đất số 325, tờ bản đồ số 03 và 04 thửa đất nông nghiệp nêu trên và ông M phải giao lại giá trị chênh lệch di sản được nhận cho các đồng thừa kế khác là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật.

[2] Từ những phân tích trên, xét thấy cấp sơ thẩm giải quyết vụ án là có căn cứ, đúng quy định, đảm bảo được quyền và lợi ích hợp pháp của các bên đương sự, kháng cáo của ông Ngô Văn M là không có căn cứ nên không được HĐXX chấp nhận. Giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[3] Về án phí dân sự phúc thẩm: Theo quy định tại khoản 1 Điều 148 của Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 29 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội thì ông Ngô Văn M phải chịu 300.000 đồng.

[4] Những quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[5] Luận cứ bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn của Luật sư Nguyễn Trần Phương T là không phù hợp với nhận định của HĐXX nên không được chấp nhận.

[6] Ý kiến của Kiểm sát viên về việc tuân thủ pháp luật của những người tiến hành tố tụng, tham gia tố tụng tại cấp phúc thẩm cũng như về việc giải quyết vụ án là phù hợp với nhận định của HĐXX.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015; khoản 1 Điều 29 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa XIV.

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận kháng cáo của ông Ngô Văn B. Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số: 63/2024/DS-ST ngày 22 tháng 10 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Phù Cát, tỉnh Bình Định.

2. Những quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

3. Về án phí dân sự phúc thẩm: Ông Ngô Văn B phải chịu 300.000 đồng, nhưng được khấu trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp, theo Biên lai thu số: 0007033 ngày 31/10/2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phù Cát.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Bình Định;
- TAND huyện Phù Cát;
- CCTHADS huyện Phù cát;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, Tòa dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Võ Công Phương

**THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
PHIÊN TÒA**

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA

Thái Văn Hà Phan Minh Dũng

Võ Công Phương

NHẬN ĐỊNH CỦA CẤP SỞ THẨM

[1] Về sự vắng mặt của đương sự: Ông Phạm Bé, ông Ngô Văn Trung, bà Ngô Thị Cảnh được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng ông Bé, ông Trung, bà Cảnh có đơn xin vắng mặt, căn cứ vào khoản 1 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt ông Bé, ông Trung, bà Cảnh nhưng vẫn bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp của ông Bé, ông Trung và bà Cảnh.

[2] Về yêu cầu của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa: Tại biên bản xác minh ngày 16 tháng 9 năm 2024, Ủy ban nhân dân xã Cát Hải (cơ quan quản lý đất) xác định diện tích tăng thêm là 172m² do sai số đo đạc; tại văn bản trả lời của Ủy ban nhân dân huyện Phù Cát, tỉnh Bình Định, số 2340/UBND-TNMT, ngày 30 tháng 9 năm 2024 “...Trường hợp có sự chênh lệch diện tích đất giữa số liệu đo đạc thực tế với số liệu ghi trên giấy tờ quy định tại Điều 137 của Luật đất đai...không có tranh chấp với những người sử dụng đất liền kề thì khi cấp hoặc cấp đổi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất, diện tích đất được xác định theo số liệu đo đạc thực tế...” “...trường hợp diện tích tăng thêm...thì thực hiện cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất cho toàn bộ diện tích thửa đất đang sử dụng; loại đất, diện tích để cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất được xác định đối với thửa đất gốc theo Giấy chứng nhận đã cấp...”. Điều đó thể hiện theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho hộ cụ Võ Thị Lá có 200m² đất ở, còn lại đất vườn nên diện tích tăng thêm 172m² ở thửa đất trên là đất “vườn” trồng cây hàng năm khác cùng thửa với thửa

đất ở, nên yêu cầu của Kiểm sát viên tham gia phiên toà không được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Về thời hiệu khởi kiện, quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Theo quy định tại khoản 1 Điều 623 Bộ luật Dân sự năm 2015 quy định “...thời hiệu để người yêu cầu chia di sản là 30 năm đối với bất động sản...” cụ Võ Thị Lá, chết năm 2009 tính đến ngày 05 tháng 9 năm 2023 ông Ngô Văn Bảy nộp đơn khởi kiện tại Tòa án yêu cầu chia di sản của cụ Lá để lại vẫn còn trong thời hạn quy định nên thời hiệu khởi kiện vẫn còn; ông Ngô Ngô chết năm 2018, ông Ngô Thái Thanh chết năm 2005, bà Ngô Thị Tư chết năm 2023, ông Ngô Văn Bình (chết năm 2018) có vợ là Hồ Thị Gái (chết năm 2020). Tài sản tranh chấp và các đương sự có nơi cư trú trên địa bàn huyện Phù Cát. Căn cứ vào khoản 5, khoản 9 Điều 26, Điều 35 và Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự. Hội đồng xét xử xác định quan hệ tranh chấp trong vụ án, “tranh chấp về chia tài sản chung trong hộ” và “tranh chấp về chia di sản thừa kế theo pháp luật” là vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Phù Cát, tỉnh Bình Định.

[4] Về nội dung tranh chấp: Ông Ngô Văn Bảy yêu cầu chia tài sản chung trong hộ và chia di sản của cụ Võ Thị Lá là thửa đất 325, tờ bản đồ số 03, diện tích 720m², trong đó 200m² đất ở, còn lại đất vườn, nay là thửa đất số 138, tờ bản đồ số 10, diện tích 892m² trong đó có 200m² đất ở, còn lại đất trồng cây hàng năm khác (các bên thống nhất theo biên bản định giá 01m² đất ở 1,500,000^d, 01m² đất trồng cây hàng năm khác 750,000^d; 01m² đất nông nghiệp 1 vụ là 450,000^d cấp cho hộ cụ Võ Thị Lá có nguồn gốc của cụ Võ Thị Lá; căn cứ vào khoản a Điều 10 của Quyết định số 4034/QĐ-UB ngày 27/11/1993 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Định “Đất vườn (sau khi trừ diện tích đất ở của mỗi vùng theo quy định của luật) đưa vào cân đối chung ...”, diện tích tăng thêm là 172m² đất nằm cùng thửa đất trên tại biên bản xác minh ngày 16 tháng 9 năm 2024 Ủy ban nhân dân xã Cát Hải xác nhận do sai số khi đo đạc năm 1997; tại văn bản trả lời số 2340/UBND-TNMT, ngày 30 tháng 9 năm 2024 của Ủy ban nhân dân huyện Phù Cát, diện tích tăng thêm giải quyết theo khoản 6 Điều 135 Luật đất đai năm 2024, căn cứ điểm i khoản 1 Điều 38 Nghị định số 101/2024/NĐ-CP ngày 29 tháng 7 năm 2024, quy định về điều tra cơ bản đất đai; đăng ký, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất và hệ thống thông tin đất đai, thì phần diện tích dư này đủ điều kiện cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và ghi nhận sự thoả thuận của các đương sự khi giao cho người nào thì người đó có nghĩa vụ liên hệ đến cấp có thẩm quyền đăng ký quyền sử dụng đất theo quy định pháp luật và giá trị 01m² đất trên là 750,000^d.

[4.1] Các đương sự thống nhất yêu cầu hủy văn bản thỏa thuận phân chia tài sản chung, di sản thừa kế lập ngày 21/02/2022 là hoàn toàn tự nguyện nên Hội đồng xét xử ghi nhận sự thoả thuận trên của các đương sự.

[4.2] Căn cứ vào nguồn gốc đất và quy định trên diện tích 200m² đất ở thuộc quyền sử dụng và sở hữu của chủ hộ cụ Võ Thị Lá có giá trị 01m² đất ở 1,500,000^d = 300,000,000^d (ba trăm triệu đồng).

[4.3] Diện tích đất vườn, nay là đất trồng cây hàng năm khác và đất trồng lúa 1 vụ thuộc quyền của hộ. Theo văn bản trả lời số 148/UBND-ĐC ngày 13 tháng 12 năm 2023 của Ủy ban nhân dân xã Cát Hải tại thời điểm cấp cho hộ cụ Võ Thị Lá gồm 02 nhân khẩu: Cụ Võ Thị Lá và ông Ngô Văn Mười. Phần tài sản chung của cụ Võ Thị Lá và ông Ngô Văn Mười gồm: 692m^2 đất trồng cây hàng năm khác cùng thửa với đất ở có giá 01m^2 là $750,000^{\text{d}}$, $1,890\text{m}^2$ đất lúa 1 vụ có giá 01m^2 là $45,000^{\text{d}}$ ($692\text{m}^2 \times 750,000^{\text{d}} + 1,890\text{m}^2 \times 45,000^{\text{d}}$) = $519,000,000^{\text{d}} + 85,050,000^{\text{d}} = 604,050,000^{\text{d}} : 2 = 302,025,000^{\text{d}}$ (ba trăm linh hai triệu, không trăm hai mươi lăm nghìn đồng).

[4.4] Tổng tài sản quy ra bằng tiền của cụ Võ Thị Lá là: $300,000,000^{\text{d}} + 302,025,000^{\text{d}} = 602,025,000^{\text{d}}$ (sáu trăm linh hai triệu, không trăm hai mươi lăm nghìn đồng).

[4.5] Cụ Võ Thị Lá, chết năm 2009; ông Ngô Ngô chết năm 2018 (chết sau cụ Võ Thị Lá); ông Ngô Thái Thanh, chết năm 2005 chết trước cụ Võ Thị Lá, nên vợ ông Ngô Thái Thanh bà Trần Thị Huệ không được hưởng phần của ông Ngô Thái Thanh; bà Ngô Thị Tư, chết năm 2023 sau cụ Võ Thị Lá nên chồng bà Ngô Thị Tư, ông Phạm Bé được hưởng một phần của bà Ngô Thị Tư.

[4.6] Hàng thừa kế thứ nhất của cụ Võ Thị Lá gồm có cha, mẹ đẻ đã chết (không rõ năm nào), chồng Ngô Hồi chết (chết năm 1990), cụ Lá có 08 (tám) người con gồm: Ngô Ngô, Ngô Thông, Ngô Thị Tư, Ngô Thái Thanh, Ngô Văn Sáu, Ngô Văn Bảy, Ngô Thị Tám, Ngô Văn Mười, cụ Võ Thị Lá không phải thực hiện nghĩa vụ tài sản nào. Về công sức giữ gìn, tôn tạo tài sản: Ông Ngô Văn Mười quản lý từ năm 2009 cho đến nay, trong quá trình quản lý ông Mười có trồng cây hoa màu và xây dựng nhà ở, theo quy định tại Điều 618 của Bộ luật Dân sự năm 2015, ông Mười được hưởng không quá một kỷ phần của hàng thừa kế thứ nhất. Phần tài sản này cụ Võ Thị Lá chia hàng thừa kế thứ nhất và công quản lý di sản $602,025,000^{\text{d}} : 9 = 66,892,000^{\text{d}}$ (lấy tròn số) (sáu mươi sáu triệu, tám trăm chín mươi hai nghìn đồng), mỗi người ở hàng thừa kế thứ nhất của cụ Lá được hưởng một phần, riêng ông Ngô Văn Mười được hưởng 2 phần.

[4.7] Hàng thừa kế của ông Ngô Ngô (chết năm 2018) gồm có vợ và 5 người con là Trần Thị Tú, Ngô Thị Cảnh, Ngô Văn Trung, Ngô Văn Bình, Ngô Văn An, Ngô Thị Hoa. Tổng tài sản quy bằng tiền ông Ngô Ngô được hưởng $66,892,000^{\text{d}} : 6 = 11,148,000^{\text{d}}$ (lấy tròn số) (mười một triệu, một trăm bốn mươi tám nghìn đồng). Phần của Ngô Văn Bình gồm vợ anh Bình chết còn lại 03 con là Ngô Văn Đoàn, Ngô Ngọc Toàn, Ngô Thị Cẩm Linh và mẹ anh Bình là Trần Thị Tú. Hàng thừa kế của ông Ngô Văn Bình mỗi người được hưởng quy bằng tiền là $11,148,000^{\text{d}} : 4 = 2,787,000^{\text{d}}$ (lấy tròn số) (hai triệu, bảy trăm tám mươi bảy nghìn đồng).

[4.8] Hàng thừa kế của bà Ngô Thị Tư (chết năm 2023) gồm chồng và 08 (tám) người con của bà Tư là ông Phạm Bé, bà Phạm Thị Lan, bà Phạm Thị Cút, bà Phạm Thị Gái, ông Phạm Văn Toàn, bà Phạm Thị Cùm, bà Phạm Thị Vệ, ông Phạm Trung Thành, ông Phạm Văn Cu được hưởng quy bằng tiền $66,892,000^{\text{d}} : 9 = 7,432,000^{\text{d}}$ (lấy tròn số) (bảy triệu, bốn trăm ba mươi hai nghìn đồng).

[4.9] Hàng thừa kế của ông Ngô Thái Thanh (chết năm 2005) gồm 07 (bảy) người con của ông Thanh là Ngô Thái Tín, Ngô Cu, Ngô Thái Hùng, Ngô Thái Đăng, Ngô Thái Trắng, Ngô Thái Bằng và Ngô Thị Út Oanh được hưởng quy bằng tiền $66,892,000^d : 7 = 9,556,000^d$ (chín triệu, năm trăm năm mươi sáu nghìn đồng).

[4.10] Tổng tài sản ông Ngô Ngô (giao cho vợ và con ông Ngô Ngô), ông Ngô Thông, bà Ngô Thị Tư (giao cho chồng và các con bà Tư), ông Ngô Thái Thanh (giao cho các con ông Thanh), ông Ngô Văn Sáu, ông Ngô Văn Bảy, bà Ngô Thị Tám, được nhận từ thừa kế di sản của cụ Võ Thị Lá là $66,892,000^d$; riêng ông Ngô Văn Mười được hưởng $133,784,000^d + (\text{phần ông Ngô Văn Trung và của bà Ngô Thị Cảnh cho là } 11,148,00^d \times 2 = 22,296,000^d) = 156,080,000^d$ (một trăm năm mươi sáu triệu, không trăm tám mươi nghìn đồng).

[4.11] Phần ông Ngô Văn Mười được hưởng từ phần chia di sản thừa kế của cụ Võ Thị Lá ($133,784,000^d$ cùng với phần chia tài sản chung trong hộ là $302,025,000^d$) = $435,809,000^d$ (bốn trăm ba mươi lăm triệu, tám trăm linh chín nghìn đồng). Ông Ngô Văn Mười yêu cầu phân diện tích đất ông được nhận, ông yêu cầu cho ông và vợ ông là bà Huỳnh Thị Hậu, yêu cầu này là chính đáng và hoàn toàn tự nguyện của ông Ngô Văn Mười và bà Huỳnh Thị Hậu nên hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Xét yêu cầu nhận bằng hiện vật của các đương sự: Hiện nay các thửa đất các đương sự yêu cầu chia: Thửa 325, tờ bản đồ số 03, diện tích $720m^2$ (trong đó có $200m^2$ đất ở, còn lại đất vườn), nay là thửa 138, tờ bản đồ số 10, diện tích $892m^2$, trong đó có $200m^2$ đất ở, $520m^2$ đất trồng cây hàng năm khác và $172m^2$ đất chưa được Nhà nước công nhận quyền sử dụng đất. Trên thửa đất trên có một ngôi nhà của ông Ngô Văn Mười có diện tích xây dựng là $137m^2$; ông Ngô Văn Bảy, ông Ngô Văn Mười, ông Ngô Thông, ông Ngô Văn Sáu, ông Ngô Văn An, ông Ngô Thái Tín đều có nguyện vọng nhận bằng hiện vật và ông Bảy, ông Thông, ông Sáu, ông Tín, ông An và ông Hùng có yêu cầu giao đất ở và đất vườn cho ông Bảy, ông Thông, ông Sáu, ông Tín, ông An, ông Hùng cùng sử dụng và sở hữu chung theo quy định pháp luật đất đai và giao cho ông Mười phân diện tích đất ở ông Mười được nhận $45m^2$, yêu cầu này của các đương sự là chính đáng, tuy nhiên theo quy định tách thửa và diện tích đất ở tối thiểu nên Hội đồng xét xử không thể thỏa mãn yêu cầu của các đương sự, nếu đương sự nào nhận nhiều thì có nghĩa vụ thối lại giá trị cho đương sự nhận ít hơn. Hội đồng xét xử giao:

[5.1] Giao cho ông Ngô Văn Bảy, ông Ngô Thông, ông Ngô Văn Sáu, ông Ngô Văn An, ông Ngô Thái Tín một phần thửa đất số thửa 352, tờ bản đồ số 03, nay là một phần thửa 138, tờ bản đồ số 10, diện tích $381,7m^2$, trong đó có $100m^2$ đất ở, $281,7m^2$ đất vườn (nay là đất trồng cây hàng năm khác cùng thửa đất ở) trong đó có $86m^2$ đất cùng thửa đất trên nhưng chưa được Nhà nước công nhận quyền sử dụng đất có giá trị $100m^2 \times 1,500,000^d + 281,7m^2 \times 750,000^d = 150,000,000^d + 211,275,000^d = 361,275,000^d$ (ba trăm sáu mươi một triệu, hai trăm bảy mươi lăm nghìn đồng).

[5.2] Giao cho ông Ngô Văn Mười và bà Huỳnh Thị Hậu một phần thửa đất số 325, tờ bản đồ số 03, nay là thửa 138, tờ bản đồ số 10, diện tích 100m² đất ở, 410,4m² đất trồng cây hàng năm khác trong đó có 86m² đất cùng thửa đất trên nhưng chưa được Nhà nước công nhận quyền sử dụng đất.

[5.3] Đối với các thửa đất trồng lúa 1 vụ có số thửa: 326, tờ bản đồ số 03, diện tích 540m²; 327, tờ bản đồ số 03, diện tích 300m²; 111, tờ bản đồ số 04, diện tích 660m²; 38, tờ bản đồ số 04, diện tích 390m², ông Ngô Văn Bảy cho rằng hai thửa 111, tờ bản đồ số 04, diện tích 660m²; 38, tờ bản đồ số 04, diện tích 390m² ông Ngô Văn Mười đã lấy phần đất ở trên nên không sử dụng được, ông Ngô Văn Mười thừa nhận ông có lấy phần đất ở trên mặt về nâng hai thửa 326, tờ bản đồ số 03, diện tích 540m²; 327, tờ bản đồ số 03, diện tích 300m²; 111, tờ bản đồ số 04, diện tích 660m²; 38, tờ bản đồ số 04, diện tích 390m² nhưng khi ông Mười canh tác ông Mười nâng lên ông lấy. Ông Mười yêu cầu nếu ông Bảy hay các anh ông không nhận hai thửa đất 111, tờ bản đồ số 04, diện tích 660m²; 38, tờ bản đồ số 04, diện tích 390m² thì ông Mười nhận. Xét thấy đất trồng lúa nếu lấy đi lớp đất trên thì phần đất còn lại người sử dụng không đạt năng suất và thửa đất nâng lên lại đạt năng suất hơn nên giao cho ông Ngô Văn Mười và bà Huỳnh Thị Hậu 04 thửa đất trên là phù hợp với thực tế của quyền sử dụng đất.

[5.4] Tổng tài sản ông Ngô Văn Bảy, ông Ngô Thông, ông Ngô Văn Sáu mỗi người được nhận 66,892,000^d (sáu mươi sáu triệu, tám trăm chín mươi hai nghìn đồng), ông Ngô Văn An được nhận 11,148,000^d (mười một triệu, một trăm bốn mươi tám nghìn đồng), ông Ngô Thái Tín được nhận 9,556,000^d (chín triệu, năm trăm năm mươi sáu nghìn đồng).

[5.5] Ông Ngô Văn Bảy, ông Ngô Thông, ông Ngô Văn Sáu, ông Ngô Văn An, ông Ngô Thái Tín thống nhất ông Ngô Văn An có nghĩa vụ giao lại cho hàng thừa kế của ông Ngô Ngộ gồm bà Trần Thị Tú, bà Ngô Thị Cảnh, ông Ngô Văn Trung, ông Ngô Văn Bình, bà Ngô Thị Hoa, mỗi người 11,148,000^d (mười một triệu, một trăm bốn mươi tám nghìn đồng), (ông Ngô Văn Bình và vợ ông Bình chết nên giao cho ba con ông Bình và mẹ ông Bình là bà Trần Thị Tú, Ngô Văn Đoàn, Ngô Ngọc Toàn và Ngô Thị Cẩm Linh, mỗi người 2,787,000^d (hai triệu, bảy trăm tám mươi bảy nghìn đồng).

[5.6] Ông Ngô Văn Bảy, ông Ngô Thông, ông Ngô Văn Sáu, ông Ngô Văn An, ông Ngô Thái Tín, thống nhất ông Ngô Thái Tín có nghĩa vụ giao lại cho hàng thừa kế thứ nhất của ông Ngô Thái Thanh là Ngô Cu, Ngô Thái Đăng, Ngô Thái Hùng, Ngô Thái Trắng, Ngô Thái Bằng, Ngô Thị Út Oanh mỗi người 9,556,000^d (chín triệu, năm trăm năm mươi sáu nghìn đồng).

[5.7] Tổng tài sản ông Ngô Văn Bảy, ông Ngô Thông, ông Ngô Văn Sáu, ông Ngô Văn An, ông Ngô Thái Tín được nhận ở thửa đất số 325, tờ bản đồ số 03, diện tích 381,7m², trong đó có 295,7m² được Nhà nước công nhận quyền sử dụng đất ở, Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ cấp giấy chứng nhận: 05 QSDĐ/E15, ngày 23 tháng 9 năm 1997, trong đó có 100m² đất ở, 159,7m² đất vườn, nay là một phần thửa 138, tờ bản đồ số 10, diện tích 381,7m² (trong đó có 100m² đất ở, 281,7m² đất trồng cây hàng năm khác) trong đó có 86m² đất chưa được Nhà nước công nhận ở Giấy chứng nhận, số vào sổ cấp giấy chứng

nhận: 05 QSDĐ/E15, ngày 23 tháng 9 năm 1997 ($100\text{m}^2 \times 1,500,000^{\text{d}} + 281,7\text{m}^2 \times 750,000^{\text{d}} = 361,275,000^{\text{d}}$ (ba trăm sáu mươi một triệu, hai trăm bảy mươi lăm nghìn đồng).

[5.8] Ông Bảy, ông Thông, ông Sáu, ông An, ông Tín được nhận từ thừa kế của cụ Lá $66,892,000^{\text{d}} \times 5 = 334,460,000^{\text{d}}$; $361,275,000^{\text{d}} - 334,460,000^{\text{d}} = 26,815,000^{\text{d}} : 5 = 5,363,000^{\text{d}}$ (năm triệu, ba trăm sáu mươi ba nghìn đồng) có nghĩa vụ thôi lại người khác.

[5.9] Tổng tài sản ông Ngô Văn Mười được nhận:

[5.9.1] Một phần thừa đất số 325, tờ bản đồ số 03, diện tích $510,4\text{m}^2$, trong đó có $424,4\text{m}^2$ được Nhà nước công nhận quyền sử dụng đất ở Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ cấp giấy chứng nhận: 05 QSDĐ/E15, ngày 23 tháng 9 năm 1997, trong đó có 100m^2 đất ở, $324,4\text{m}^2$ đất vườn, nay là một phần thửa 138, tờ bản đồ số 10, diện tích $510,4\text{m}^2$ (trong đó có 100m^2 đất ở, $410,4\text{m}^2$ đất trồng cây hàng năm khác) có 86m^2 đất chưa được Nhà nước công nhận ở Giấy chứng nhận, số vào sổ cấp giấy chứng nhận: 05 QSDĐ/E15, ngày 23 tháng 9 năm 1997 ($100\text{m}^2 \times 1,500,000^{\text{d}} + 410,4\text{m}^2 \times 750,000^{\text{d}} = 457,800,000^{\text{d}}$ (bốn trăm năm mươi bảy triệu, tám trăm nghìn đồng).

[5.9.2] Phần đất lúa 1 vụ: $1890\text{m}^2 (1890\text{m}^2 \times 45,000^{\text{d}}) = 85,050,000^{\text{d}}$ (tám mươi lăm triệu, không trăm năm mươi nghìn đồng).

[5.9.3] Phần ông Ngô Văn Mười được nhận: $457,800,000^{\text{d}} + 85,050,000^{\text{d}} - 458,105,000^{\text{d}} = 84,745,000^{\text{d}}$ (tám mươi bốn triệu, bảy trăm bốn mươi lăm nghìn đồng) có nghĩa vụ thôi lại người khác.

[6] Về án phí: Ông Ngô Thông, ông Ngô Văn Sáu, ông Ngô Văn Bảy, bà Ngô Thị Tám, ông Phạm Bé, bà Trần Thị Huệ, bà Trần Thị Tú, bà Ngô Thị Tám thuộc trường hợp người cao tuổi nên Hội đồng xét xử miễn phần án phí; ông Ngô Văn Mười, bà Huỳnh Thị Hậu là người khuyết tật đang được hưởng chính sách nên Hội đồng xét xử miễn án phí; ông Ngô Văn An, ông Ngô Cu, ông Ngô Thái Hùng, ông Ngô Thái Đăng, ông Ngô Thái Trắng, bà Ngô Thị Hoa, ông Ngô Văn Trung, ông Ngô Thái Tín, ông Ngô Văn Đoàn, ông Ngô Ngọc Toàn, bà Ngô Thị Cẩm Linh, ông Ngô Thái Bằng, bà Ngô Thị Út Oanh, ông Phạm Văn Toàn, bà Phạm Thị Cùm, ông Phạm Trung Thành, bà Phạm Thị Lan, bà Phạm Thị Cút, bà Phạm Thị Vệ phải chịu án phí DSST theo quy định pháp luật.

[7] Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản hết $12,030,000^{\text{d}}$, ông Ngô Văn Bảy, ông Ngô Văn Mười, ông Ngô Thông, ông Ngô Văn Sáu, hàng thừa kế của ông Ngô Ngô, ông Ngô Thái Thanh, bà Ngô Thị Tư phải chịu $1,503,000^{\text{d}}$, ông Ngô Văn Bảy đã nộp tạm ứng $10,000,000^{\text{d}}$, ông Ngô Văn Mười đã nộp tạm ứng $2,030,000^{\text{d}}$ nay được khấu trừ và buộc ông Ngô Thông, ông Ngô Văn Sáu, bà Ngô Thị Tám phải có nghĩa vụ trả cho ông Ngô Văn Bảy $1,503,000^{\text{d}}$, buộc bà Trần Thị Tú, ông Ngô Văn An, bà Ngô Thị Hoa có nghĩa vụ trả cho ông Ngô Văn Bảy $250,000^{\text{d}}$, buộc ông Phạm Bé, bà Phạm Thị Lan, bà Phạm Thị Cút, bà Phạm Thị Gái, ông Phạm Văn Toàn, bà Phạm Thị Cùm, bà Phạm Thị Vệ, ông Phạm Trung Thành, ông Phạm Văn Cu có nghĩa vụ trả cho ông Ngô Văn Bảy mỗi người $167,000^{\text{d}}$, buộc ông Ngô Thái Tín, ông Ngô Cu,

ông Ngô Thái Hùng, ông Ngô Thái Đăng, ông Ngô Thái Tráng, ông Ngô Thái Bằng, bà Ngô Thị Út Oanh có nghĩa vụ trả cho ông Ngô Văn Bảy 214,000^d, phần bà Ngô Thị Cảnh, ông Ngô Văn Trung phải chịu mỗi người 250,000^d nhưng phần tài sản bà Cảnh, ông Trung được nhận giao lại cho ông Ngô Văn Mười trọn quyền sử dụng, sở hữu nên ông Ngô Văn Mười phải chịu.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 5, khoản 9 Điều 26, các Điều 39, 147, 165, 227 và 228 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;

Căn cứ vào các Điều 212, 213, 218, 219, 459, 649, điểm a khoản 1 Điều 650, điểm a khoản 1 Điều 651 và Điều 660 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ vào khoản 7 điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Hủy văn bản thỏa thuận phân chia tài sản chung, di sản thừa kế lập ngày 21/02/2022.

2. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc chia quyền sử dụng đất chung trong hộ và chia di sản thừa kế là quyền sử dụng đất và vật kiến trúc trên đất theo quy định của pháp luật.

2.1. Giao cho ông Ngô Văn Bảy, ông Ngô Thông, ông Ngô Văn Sáu, ông Ngô Văn An, ông Ngô Thái Tín đồng sử dụng và sở hữu một phần thửa đất số thửa 352, tờ bản đồ số 03, nay là một phần thửa 138, tờ bản đồ số 10, diện tích 381,7m², trong đó có 100m² đất ở, 195,7m² đất vườn (nay là đất trồng cây hàng năm khác cùng thửa đất ở) và 86m² đất cùng thửa đất trên nhưng chưa được Nhà nước công nhận quyền sử dụng đất, tọa lạc tại thôn Tân Thắng, xã Cát Hải, huyện Phù Cát, tỉnh Bình Định, sử dụng và sở hữu theo quy định pháp luật về đất đai, được quyền liên hệ đến cơ quan Nhà nước cấp có thẩm quyền làm thủ tục đăng ký 86m² đất theo quy định của pháp luật (có sơ đồ bản vẽ kèm theo).

2.2. Giao cho ông Ngô Văn Mười và bà Huỳnh Thị Hậu một phần thửa đất số 325, tờ bản đồ số 03, nay là thửa 138, tờ bản đồ số 10, diện tích 100m² đất ở, 324,4m² đất trồng cây hàng năm khác và 86m² đất cùng thửa đất trên nhưng chưa được Nhà nước công nhận quyền sử dụng đất và tài sản trên đất, được quyền liên hệ đến cơ quan Nhà nước cấp có thẩm quyền làm thủ tục đăng ký 86m² đất theo quy định của pháp luật (có sơ đồ bản vẽ kèm theo).

2.3. Giao cho ông Ngô Văn Mười và bà Huỳnh Thị Hậu các thửa đất lúa 1 vụ có số thửa: 326, tờ bản đồ số 03, diện tích 540m²; 327, tờ bản đồ số 03, diện tích 300m²; 111, tờ bản đồ số 04, diện tích 660m²; 38, tờ bản đồ số 04, diện tích 390m², đều tọa lạc tại thôn Tân Thắng, xã Cát Hải, huyện Phù Cát, tỉnh Bình Định, sử dụng và sở hữu theo quy định pháp luật về đất đai, tọa lạc tại thôn Tân Thắng, xã Cát Hải, huyện Phù Cát, tỉnh Bình Định, sử dụng và sở hữu theo quy định pháp luật về đất đai.

- 3.1. Buộc ông Ngô Văn Mười và bà Huỳnh Thị Hậu có nghĩa vụ thối lại ông Phạm Bé, bà Phạm Thị Lan, bà Phạm Thị Cút, bà Phạm Thị Gái, ông Phạm Văn Toàn, bà Phạm Thị Cùm, bà Phạm Thị Vệ, ông Phạm Trung Thành, ông Phạm Văn Cu mỗi người 7,432,000^d (bảy triệu, bốn trăm ba mươi hai nghìn đồng).
- 3.2. Buộc ông Ngô Văn Mười và bà Huỳnh Thị Hậu có nghĩa vụ thối lại bà Ngô Thị Tám 17,857,000^d (mười bảy triệu, tám trăm năm mươi bảy nghìn đồng).
- 3.3. Buộc ông Ngô Văn Bảy, ông Ngô Thông, ông Ngô Văn Sáu, ông Ngô Văn An, ông Ngô Thái Tín mỗi người có nghĩa vụ thối lại bà Ngô Thị Tám 5,348,000^d (năm triệu, ba trăm bốn mươi tám nghìn đồng).
- 3.4. Buộc ông Ngô Văn An có nghĩa vụ thối lại bà Ngô Thị Tám 22,295,000^d (hai mươi hai triệu, hai trăm chín mươi lăm nghìn đồng).
- 3.5. Buộc ông Ngô Văn An có nghĩa vụ thối lại bà Ngô Thị Hoa 11,148,000^d (mười một triệu, một trăm bốn mươi tám nghìn đồng).
- 3.6. Buộc ông Ngô Văn An có nghĩa vụ thối lại bà Ngô Thị Cẩm Linh, ông Ngô Văn Đoàn, ông Ngô Ngọc Toàn mỗi người 2,787,000^d (hai triệu, bảy trăm tám mươi bảy nghìn đồng).
- 3.7. Buộc ông Ngô Văn An có nghĩa vụ thối lại bà Trần Thị Tú 13,935,000^d (mười ba triệu, chín trăm ba mươi lăm nghìn đồng).
- 3.8. Buộc ông Ngô Thái Tín có nghĩa vụ thối lại cho ông Ngô Cu, ông Ngô Thái Hùng, ông Ngô Thái Đăng, ông Ngô Thái Trắng, ông Ngô Thái Bằng, bà Ngô Thị Út Oanh mỗi người 9,556,000^d (chín triệu, năm trăm năm mươi sáu nghìn đồng).
4. Về án phí DSST: Ông Ngô Thông, ông Ngô Văn Sáu, ông Ngô Văn Bảy, bà Ngô Thị Tám, ông Phạm Bé, bà Trần Thị Huệ, bà Trần Thị Tú, bà Ngô Thị Tám thuộc trường hợp người cao tuổi nên được miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm, ông Ngô Văn Mười, bà Huỳnh Thị Hậu là người khuyết tật đang được hưởng chính sách nên Hội đồng xét xử miễn án phí, hoàn lại 300.000^d tiền dự phí khởi kiện cho ông Ngô Văn Bảy đã nộp theo biên lai thu tiền số: 0006648 ngày 27 tháng 11 năm 2023 tại Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Phù Cát. Buộc ông Ngô Văn An, ông Ngô Cu, ông Ngô Thái Hùng, ông Ngô Thái Đăng, ông Ngô Thái Trắng, bà Ngô Thị Hoa, ông Ngô Văn Trung, ông Ngô Thái Tín, ông Ngô Văn Đoàn, ông Ngô Ngọc Toàn, bà Ngô Thị Cẩm Linh, ông Ngô Thái Bằng, bà Ngô Thị Út Oanh, ông Phạm Văn Toàn, bà Phạm Thị Cùm, ông Phạm Trung Thành, bà Phạm Thị Lan, bà Phạm Thị Cút, bà Phạm Thị Vệ mỗi người phải chịu 300,000^d sung vào ngân sách Nhà nước. Riêng phần án phí của ông Ngô Văn Trung và bà Ngô Thị Cảnh, buộc ông Ngô Văn Mười và bà Huỳnh Thị Hậu phải chịu.
5. Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản hết 12,030,000^d, ông Ngô Văn Bảy, ông Ngô Văn Mười, ông Ngô Thông, ông Ngô Văn Sáu, hàng thừa kế của ông Ngô Ngô, ông Ngô Thái Thanh, bà Ngô Thị Tư phải chịu 1,503,000^d, ông Ngô Văn Bảy đã nộp tạm ứng 10,000,000^d, ông Ngô Văn Mười đã nộp tạm ứng 2,030,000^d nay được khấu trừ và buộc ông Ngô Thông, ông Ngô

Văn Sáu, bà Ngô Thị Tám phải có nghĩa vụ trả cho ông Ngô Văn Bảy 1,503,000^d, buộc bà Trần Thị Tú, ông Ngô Văn An, bà Ngô Thị Hoa có nghĩa vụ trả cho ông Ngô Văn Bảy 250,000^d, buộc ông Phạm Bé, bà Phạm Thị Lan, bà Phạm Thị Cút, bà Phạm Thị Gái, ông Phạm Văn Toàn, bà Phạm Thị Cùm, bà Phạm Thị Vệ, ông Phạm Trung Thành, ông Phạm Văn Cu có nghĩa vụ trả cho ông Ngô Văn Bảy mỗi người 167,000^d, buộc ông Ngô Thái Tín, ông Ngô Cu, ông Ngô Thái Hùng, ông Ngô Thái Đăng, ông Ngô Thái Tráng, ông Ngô Thái Bằng, bà Ngô Thị Ut Oanh có nghĩa vụ trả cho ông Ngô Văn Bảy 214,000^d, phần bà Ngô Thị Cảnh, ông Ngô Văn Trung phải chịu mỗi người 250,000^d nhưng phần tài sản bà Cảnh, ông Trung được nhận giao lại cho ông Ngô Văn Mười trọn quyền sử dụng và sở hữu nên ông Ngô Văn Mười phải chịu nên được khấu trừ.

6. Về quyền, nghĩa vụ thi hành án:

6.1. Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

6.2. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

7. Về quyền kháng cáo: Án xử sơ thẩm công khai có mặt các đương sự, các đương sự có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt thời hạn là 15 ngày kể từ ngày niêm yết, tổng đạt hợp lệ bản án.